UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC BẮC HƯNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:03 /QĐ-THBH

Bắc Hưng, ngày 17 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của trường Tiểu học Bắc Hưng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 5374/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Tiên Lãng về việc phân bổ kinh phí chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập năm 2023; Quyết định số 5375/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Tiên Lãng về việc phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023,

Xét đề nghị của bộ phận Tài chính, công đoàn trường Tiểu học Bắc Hưng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của trường Tiểu học Bắc Hưng *(theo các biểu đính kèm)*

Điều 2. Thời gian công khai: Từ ngày 18 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 17 tháng 02 năm 2024.

Điều 3. Các ông (bà) Phó hiệu trưởng, Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai và các bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3
- Lưu :VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Thị Bích Liên

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LÃNG

DANH SÁCH TỔNG HỢP PHÂN BỔ KINH PHÍ PHỤ CẤP ƯU ĐÃI CHO GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY HỌC SINH KHUYẾT TẬT

(Phụ biểu kèm theo Quyết định số 5374/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Tiên Lãng)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nội dung	Mã đơn vị QHNS	Mã Chương	Mã Khoản	Học kỳ 2 năm học 2022-2023				Học kỳ 1 năm học 2023-2024				Tổng kinh phí chi phụ cấp ưu đãi giảng dạy học sinh khuyết tật năm 2023	Ghi chú
					Số học sinh khuyết tật	Số lớp có học sinh khuyết tật	Số giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật	Kinh phí chi phụ cấp ưu đãi giảng dạy học sinh khuyết tật	Số học sinh khuyết tật	Số lớp có học sinh khuyết tật	Số giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật	Kinh phí chi phụ cấp ưu đãi giảng dạy học sinh khuyết tật		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG				**74**	**68**	**357**	**689.181.449**	**97**	**89**	**443**	**1.035.914.152**	**1.725.095.601**	
I	**KHỐI THCS**				**31**	**27**	**209**	**325.175.865**	**41**	**36**	**240**	**483.601.834**	**808.777.699**	
1	Trường THCS Tự Cường	1062910	622	073	1	1	11	8.260.064	1	1	11	11.506.113	19.766.177	
2	Trường THCS Quyết Tiến	1063143	622	073	4	2	15	27.530.936	6	4	26	60.920.063	88.450.999	
3	Trường THCS Thị trấn	1063146	622	073	2	2	16	26.149.724	3	3	26	35.812.596	61.962.320	
4	Trường THCS Khởi Nghĩa	1063145	622	073	2	2	11	22.930.087	2	2	13	30.686.773	53.616.860	
5	Trường THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	1132720	622	073	4	4	24	49.490.696	4	4	26	47.840.287	97.330.983	
6	Trường THCS Đoàn Lập	1062915	622	073	2	2	15	27.419.366	1	1	11	13.954.312	41.373.678	
7	Trường THCS Quang Phục	1063158	622	073	3	3	23	29.413.629	7	6	27	69.343.315	98.756.944	
8	Trường THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng	1132721	622	073	2	2	20	26.107.560	4	3	25	45.052.833	71.160.393	
13	Trường THCS Tiên Minh	1063149	622	073	2	2	18	20.901.450	2	2	19	24.692.324	45.593.774	
9	Trường THCS Chấn Hưng	1132717	622	073	6	4	32	48.166.852	6	5	29	70.679.841	118.846.693	
10	Trường THCS Đông Tây Hưng	1132718	622	073	3	3	24	38.805.501	5	5	27	73.113.377	111.918.878	

Stt	Nội dung	Mã đơn vị QHNS	Mã Chương	Mã Khoản	Học kỳ 2 năm học 2022-2023				Học kỳ 1 năm học 2023-2024				Tổng kinh phí chi phụ cấp ưu đãi giảng dạy học sinh khuyết tật năm 2023	Ghi chú
					Số học sinh khuyết tật	Số lớp có học sinh khuyết tật	Số giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật	Kinh phí chi phụ cấp ưu đãi giảng dạy học sinh khuyết tật	Số học sinh khuyết tật	Số lớp có học sinh khuyết tật	Số giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật	Kinh phí chi phụ cấp ưu đãi giảng dạy học sinh khuyết tật		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
II	**KHỐI TIỂU HỌC**				**37**	**35**	**136**	**324.814.268**	**47**	**44**	**178**	**482.821.768**	**807.636.036**	
1	Trường Tiểu học Đại Thắng	1024530	622	072	-	-	-	-	1	1	10	12.896.041	12.896.041	
2	Trường Tiểu học Tự Cường	1024531	622	072	1	1	5	11.220.224	3	3	12	43.079.167	54.299.391	
3	Trường Tiểu học Tiên Cường	1067826	622	072	4	3	7	30.139.948	4	3	8	42.043.524	72.183.472	
4	Trường Tiểu học Quyết Tiến	1067828	622	072	1	1	5	10.889.311	2	2	11	14.795.280	25.684.591	
5	Trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng	1052053	622	072	3	3	13	28.426.833	3	3	12	32.194.680	60.621.513	
6	Trường Tiểu học Bạch Đằng	1067822	622	072	3	3	8	34.459.920	1	1	5	14.904.358	49.364.278	
7	Trường Tiểu học Đoàn Lập	1052055	622	072	3	3	14	22.662.982	3	3	13	28.595.448	51.258.430	
8	Trường Tiểu học Cấp Tiến	1052048	622	072	3	3	7	36.195.427	3	3	7	31.941.345	68.136.772	
9	Trường Tiểu học Kiến Thiết	1132124	622	072	1	1	6	3.461.879	4	4	12	47.048.946	50.510.825	
10	Trường Tiểu học Quang Phục	1052049	622	072	3	3	15	29.658.036	5	4	15	40.616.984	70.275.020	
11	Trường Tiểu học Toàn Thắng - Tiên Thắng	1132719	622	072	2	2	9	15.487.279	3	3	14	38.116.710	53.603.989	
12	Trường Tiểu học Tiên Minh	1051810	622	072	4	3	9	15.108.443	3	2	8	21.279.356	36.387.799	
13	Trường Tiểu học Bắc Hưng	1051809	622	072	2	2	8	17.278.440	1	1	5	12.953.261	30.231.701	
14	Trường Tiểu học Nam Hưng	1051811	622	072	1	1	5	12.625.734	1	1	6	10.811.131	23.436.865	
15	Trường Tiểu học Đông Hưng	1052044	622	072	2	2	8	19.472.783	2	2	6	20.560.135	40.032.918	
16	Trường Tiểu học Hùng Thắng	1062917	622	072	-	-	-	-	4	4	11	35.240.937	35.240.937	
17	Trường Tiểu học Vinh Quang	1062918	622	072	3	3	12	25.459.778	3	3	16	29.010.366	54.470.144	

Stt	Nội dung	Mã đơn vị QHNS	Mã Chương	Mã Khoản	Học kỳ 2 năm học 2022-2023				Học kỳ 1 năm học 2023-2024				Tổng kinh phí chi phụ cấp ưu đãi giảng dạy học sinh khuyết tật năm 2023	Ghi chú
					Số học sinh khuyết tật	Số lớp có học sinh khuyết tật	Số giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật	Kinh phí chi phụ cấp ưu đãi giảng dạy học sinh khuyết tật	Số học sinh khuyết tật	Số lớp có học sinh khuyết tật	Số giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật	Kinh phí chi phụ cấp ưu đãi giảng dạy học sinh khuyết tật		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
18	Trường Tiểu học Minh Đức	1012158	622	072	1	1	5	12.267.251	1	1	7	6.734.099	19.001.350	
III	**KHỐI MẦM NON**				**6**	**6**	**12**	**39.191.316**	**8**	**8**	**15**	**58.637.144**	**97.828.460**	
1	Trường Mầm non Quyết Tiến	1108140	622	071	1	1	2	4.590.484	1	1	2	7.902.021	12.492.505	
2	Trường Mầm non Đoàn Lập	1108147	622	071	1	1	2	6.686.818	1	1	2	8.365.264	15.052.082	
3	Trường Mầm non Tiên Thắng	1108152	622	071	3	3	6	22.458.874	2	2	4	13.102.427	35.561.301	
4	Trường Mầm non Đông Hưng	1108153	622	071	-	-	-	-	2	2	4	16.614.720	16.614.720	
5	Trường Mầm non Vinh Quang	1108158	622	071	1	1	2	5.455.140	2	2	3	12.652.712	18.107.852	
IV	**Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên**	**1118348**	**622**	**075**	-	-	-	-	**1**	**1**	**10**	**10.853.406**	**10.853.406**	